

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC
MIỀN NÚI PHÍA BẮC QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 157/TB-BV

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc mời chào giá các mặt hàng hóa chất và vật tư y tế miễn dịch năm
2025-2026 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa khu vực
miền núi phía Bắc Quảng Nam

Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam có nhu cầu tiếp nhận báo giá mua sắm các mặt hàng hóa chất và vật tư y tế miễn dịch sử dụng năm 2025-2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam.

- Địa chỉ nhận báo giá: Phòng văn thư của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam, số 107 Quang Trung, Xã Đại Lộc, Thành phố Đà Nẵng.

- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

+ Bà Hoàng Thị Lệ Năm; Số điện thoại 0988259713.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Các công ty tham gia báo giá, gửi báo giá trực tiếp **Phòng văn thư** hay gửi qua **bưu điện** đến địa chỉ nhận báo giá (*Phòng văn thư của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam, số 107 Quang Trung, xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng*)

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Thời hạn 10 ngày tính từ ngày đăng tải Thông báo chào giá lên cổng thông tin điện tử của đơn vị thành công.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 150 ngày kể từ ngày Bệnh viện kết thúc nhận thư mời chào giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục các mặt hàng hóa chất và vật tư y tế miễn dịch sử dụng năm 2025-2026. Chi tiết Bảng mô tả đính kèm Phụ lục 1A và Phụ lục 1B.

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản như sau:

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam. Địa chỉ 107 Quang Trung, xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng.

- Hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản và đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.



3. Thời gian giao hàng dự kiến:

Giao hàng thành nhiều đợt, theo nhu cầu của đơn vị, thời gian cung ứng chậm nhất là 48 giờ sau khi nhận được dự trù của bên mua và đợt xuất trong 24 giờ

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Thanh toán 100% sau khi nghiệm thu, bàn giao hàng hóa và đúng theo thời gian đã ký trong hợp đồng kinh tế

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

5.1. Báo giá theo mẫu Phụ lục 2 và Phụ lục 3 đính kèm thông báo này. Gói hóa chất và vật tư y tế miễn dịch được đấu thầu trọn gói và yêu cầu đặt máy nếu trúng thầu. Do đó, các công ty phải tham gia chào giá đủ 70 mặt hàng trong danh mục theo Phụ lục 1A và Phụ lục 1B mới đáp ứng yêu cầu. Đồng thời Công ty tham khảo các yêu cầu dưới đây để làm cơ sở xây dựng giá, cụ thể như sau:

5.1.1 Tốc độ xử lý của máy xét nghiệm miễn dịch tự động : ≥ 170 mẫu/ giờ,

5.1.2. Đời máy, năm sản xuất : 2019 trở về sau,

5.1.3. Xuất xứ của máy: Các nước G7 hay Châu Âu,

5.1.4. Kết nối được với phần mềm HIS của Bệnh viện,

5.1.5. Thời gian bảo hành, bảo dưỡng máy, thay thế linh kiện: Chu kỳ 3 hoặc 6 tháng/lần tùy vào tần suất sử dụng. Nếu máy có sự cố đột xuất, khi nhận được tin báo từ Bệnh viện, Công ty phải đến xử lý trong vòng 24h.

5.1.6. Hướng dẫn và đào tạo sử dụng máy: Sau khi ráp máy (Thời gian 3 - 4 tuần).

5.2. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế báo giá (Các nội dung này được gửi cùng với bản báo giá về địa chỉ của Bệnh viện quy định tại khoản 2 Mục I – Thông báo chào giá).

5.3. Báo giá đựng trong một túi hồ sơ được niêm phong cẩn thận, bao gồm:
+ 01 bản gốc báo giá, các tài liệu kèm theo để chứng minh tính năng thông số kỹ thuật, 1 USB

Ghi chú: Phía ngoài bì hồ sơ chào giá ghi rõ:

“Thư chào giá cung cấp các mặt hàng hóa chất và vật tư y tế miễn dịch sử dụng năm 2025-2026 tại Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam”

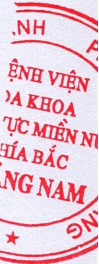
Trong quá trình tham gia báo giá, mọi thắc mắc về các nội dung yêu cầu từ phía Bệnh viện, các công ty có thể liên hệ qua 2 thành viên trong Hội đồng xây dựng để nắm rõ các thông tin:

- Ds.CK1: Võ Văn Tiên - Khoa Dược Bệnh viện

+ Số điện thoại: 0905275001

- Ds.CK1: Dương Thị Tường Vy - Khoa Dược Bệnh viện

+ Số điện thoại: 0987780802



Rất mong nhận được sự quan tâm của các đơn vị tham gia báo giá./. /15

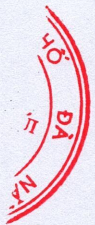
Nơi nhận:

- Các đơn vị tham gia báo giá;
- Website của Bệnh viện (đăng tải);
- Lưu: VT, KD, TCKT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thống Nhất



BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT DANH MỤC CÁC MẬT HÀNG HÓA CHẤT MIỄN DỊCH NĂM 2025-2026
SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC QUẢNG NAM
(Ban hành kèm theo Thông báo số 191/TB-BV ngày 15 tháng 08 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam)

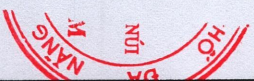


Số TT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (Cơ bản)	Số lượng /khối lượng sử dụng 18 tháng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Định lượng PTH	- Hóa chất xét nghiệm định lượng PTH - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	1.300	Mẫu	
2	Định lượng AFP	- Hóa chất xét nghiệm Định lượng AFP - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	1.560	Mẫu	
3	Định lượng CA 125	- Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 125	520	Mẫu	
4	Định lượng CA 15-3	- Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 15-3	780	Mẫu	
5	Định lượng CA 72-4	- Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 72-4 - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	780	Mẫu	
6	Định lượng Ferritin	- Hóa chất xét nghiệm định lượng Ferritin	9.600	Mẫu	
7	Định lượng TRAb	- Hóa chất xét nghiệm định lượng TRAb - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	1.560	Mẫu	
8	Định lượng TSH	- Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	23.400	Mẫu	
9	Định lượng Pro-calcitonin	- Hóa chất xét nghiệm định lượng Pro-calcitonin - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	4.160	Mẫu	
10	Định lượng CA 19-9	- Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 19-9	260	Mẫu	
11	Định lượng CEA	- Hóa chất xét nghiệm định lượng CEA - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	2.340	Mẫu	
12	Định lượng PSA toàn phần	- Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA toàn phần - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	1.820	Mẫu	
13	Định lượng Cyfra 21-1	- Hóa chất xét nghiệm định lượng Cyfra 21-1	1.040	Mẫu	

14	Định lượng Troponin T	- Hóa chất xét nghiệm định lượng Troponin T - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	42.120	Mẫu	
15	Định lượng T3	- Hóa chất xét nghiệm định lượng T3 - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	520	Mẫu	
16	Định lượng bhCG	- Hóa chất xét nghiệm định lượng bhCG - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	2.600	Mẫu	
17	Định lượng Insulin	- Hóa chất xét nghiệm định lượng Insulin	520	Mẫu	
18	Định lượng Anti CCP	- Hóa chất xét nghiệm định lượng Anti CCP - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	1.820	Mẫu	
19	Định lượng ACTH	- Hóa chất xét nghiệm định lượng ACTH - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	2.860	Mẫu	
20	Định lượng Anti - TPO	- Hóa chất xét nghiệm định lượng Anti - TPO - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	1.300	Mẫu	
21	Định lượng FT4	- Hóa chất xét nghiệm định lượng FT4 - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	23.920	Mẫu	
22	Định lượng proBNP	- Hóa chất xét nghiệm định lượng proBNP - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	21.320	Mẫu	
23	HIV Ab miễn dịch tự động	- Hóa chất xét nghiệm HIV Ab miễn dịch tự động - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	14.300	Mẫu	
24	HBsAg miễn dịch tự động	- Hóa chất xét nghiệm HBsAg miễn dịch tự động - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	23.400	Mẫu	
25	HCV Ab miễn dịch tự động	- Hóa chất xét nghiệm HCV Ab miễn dịch tự động - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	12.480	Mẫu	
26	Treponema pallidum TPPHA định tính và định lượng	- Hóa chất xét nghiệm Treponema pallidum TPPHA định tính và định lượng - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	9.100	Mẫu	
27	HBeAg miễn dịch tự động	- Hóa chất xét nghiệm HBeAg miễn dịch tự động - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	260	Mẫu	
28	Định lượng Cortisol	- Hóa chất xét nghiệm định lượng Cortisol - Xuất xứ: các nước nhóm G7 hay Châu Âu	4.420	Mẫu	

29	Hoá chất ức chế oxy hoá gây	Hoá chất để loại bỏ chất gây nhiễu	660.000	ml	Hoá chất rửa
30	Hoá chất dùng để rửa các vi hạt phủ và tạo tín hiệu	Hoá chất dùng để rửa các vi hạt phủ và tạo tín hiệu	1.100.000	ml	Hoá chất rửa
31	Hoá chất rửa đường ống và buồng đo	Hoá chất rửa đường ống và buồng đo	940.000	ml	Hoá chất rửa
32	Hoá chất rửa kim hút thuốc thử	Hoá chất rửa kim hút thuốc thử	2.500	ml	Hoá chất rửa
33	Hoá chất kiểm chuẩn PTH, Ferritin	Hoá chất kiểm chuẩn PTH, Ferritin	36	ml	Hoá chất nội kiểm (Kiểm chuẩn)
34	Hoá chất kiểm chuẩn ProBNP	Hoá chất kiểm chuẩn ProBNP	100	ml	Hoá chất nội kiểm (Kiểm chuẩn)
35	Hoá chất kiểm chuẩn Troponin	Hoá chất kiểm chuẩn Troponin	100	ml	Hoá chất nội kiểm (Kiểm chuẩn)
36	Hoá chất kiểm chuẩn AFP, CA125, CA153, CA199, CA724, CEA, Cyfra 211	Hoá chất kiểm chuẩn AFP, CA125, CA153, CA199, CA724, CEA, Cyfra 211	94	ml	Hoá chất nội kiểm (Kiểm chuẩn)
37	Hoá chất kiểm chuẩn Cortisol, FT4, T3, TSH, beta HCG...	Hoá chất kiểm chuẩn Cortisol, FT4, T3, TSH, beta HCG...	94	ml	Hoá chất nội kiểm (Kiểm chuẩn)
38	Hoá chất hiệu chuẩn PTH	Hoá chất hiệu chuẩn PTH	12	ml	Hoá chất hiệu chuẩn
39	Hoá chất hiệu chuẩn AFP	Hoá chất hiệu chuẩn AFP	12	ml	Hoá chất hiệu chuẩn
40	Hoá chất hiệu chuẩn CA 125	Hoá chất hiệu chuẩn CA 125	12	ml	Hoá chất hiệu chuẩn
41	Hoá chất hiệu chuẩn CA15-3	Hoá chất hiệu chuẩn CA15-3	12	ml	Hoá chất hiệu chuẩn
42	Hoá chất hiệu chuẩn CA 72-4	Hoá chất hiệu chuẩn CA 72-4	12	ml	Hoá chất hiệu chuẩn
43	Hoá chất hiệu chuẩn Ferritin	Hoá chất hiệu chuẩn Ferritin	12	ml	Hoá chất hiệu chuẩn
44	Hoá chất hiệu chuẩn TRAb	Hoá chất hiệu chuẩn TRAb	12	ml	Hoá chất hiệu chuẩn

45	Hoá chất hiệu chuẩn TSH	Hoá chất hiệu chuẩn TSH	12	ml	Hóá chất hiệu chuẩn
46	Hoá chất hiệu chuẩn CA 19-9	Hoá chất hiệu chuẩn CA 19-9	12	ml	Hóá chất hiệu chuẩn
47	Hoá chất hiệu chuẩn CEA	Hoá chất hiệu chuẩn CEA	12	ml	Hóá chất hiệu chuẩn
48	Hoá chất hiệu chuẩn PSA toàn phần	Hoá chất hiệu chuẩn PSA toàn phần	12	ml	Hóá chất hiệu chuẩn
49	Hoá chất hiệu chuẩn Cyfra 21-1	Hoá chất hiệu chuẩn Cyfra 21-1	12	ml	Hóá chất hiệu chuẩn
50	Hoá chất hiệu chuẩn Troponin T	Hoá chất hiệu chuẩn Troponin T	12	ml	Hóá chất hiệu chuẩn
51	Hoá chất hiệu chuẩn T3	Hoá chất hiệu chuẩn T3	12	ml	Hóá chất hiệu chuẩn
52	Hoá chất hiệu chuẩn bhCG	Hoá chất hiệu chuẩn bhCG	24	ml	Hóá chất hiệu chuẩn
53	Hoá chất hiệu chuẩn Insulin	Hoá chất hiệu chuẩn Insulin	24	ml	Hóá chất hiệu chuẩn
54	Hoá chất hiệu chuẩn ACTH	Hoá chất hiệu chuẩn ACTH	12	ml	Hóá chất hiệu chuẩn
55	Hoá chất hiệu chuẩn Anti - TPO	Hoá chất hiệu chuẩn Anti - TPO	18	ml	Hóá chất hiệu chuẩn
56	Hoá chất hiệu chuẩn FT4	Hoá chất hiệu chuẩn FT4	12	ml	Hóá chất hiệu chuẩn
57	Hoá chất hiệu chuẩn Cortisol	Hoá chất hiệu chuẩn Cortisol	12	ml	Hóá chất hiệu chuẩn
58	Hoá chất hiệu chuẩn proBNP	Hoá chất hiệu chuẩn proBNP	12	ml	Hóá chất hiệu chuẩn
59	Dung dịch vệ sinh điện cực xét nghiệm điện giải.	Dung dịch vệ sinh điện cực xét nghiệm điện giải.	2.000	ml	



60	Chất pha loãng mẫu trong các xét nghiệm miễn dịch, sử dụng pha loãng mẫu khi nồng độ chất phân tích vượt quá phạm vi đo của phương pháp, tiền pha loãng mẫu cho một số xét nghiệm miễn dịch.	Chất pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm miễn dịch.	144	ml	
61	Chất pha loãng mẫu trong xét nghiệm miễn dịch.	Pha loãng mẫu cần thiết trong trường hợp nồng độ chất phân tích vượt quá khoảng đo của phương pháp xét nghiệm Miễn dịch tương ứng.	144	ml	
62	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng ACTH, C-Peptide, hGH, Insulin, IL-6, PIGF, sFlt	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng ACTH, C-Peptide, hGH, Insulin, IL-6, PIGF, sFlt.	48	ml	
63	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng kháng thể kháng thyroid peroxidase	Vật liệu được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Elecsys Anti-TSHR, Anti-TPO và Anti-Tg trên máy xét nghiệm miễn dịch.	24	ml	
64	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng nguyên HBS	Vật liệu được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm HBSAg II.	104	ml	
65	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính HBeAg	Vật liệu được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch HBeAg.	104	ml	
66	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	Vật liệu được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Anti-HCV II.	104	ml	
67	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng nguyên HIV-1 p24 và kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2	Vật liệu được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch định tính kháng nguyên HIV-1 p24 và kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2.	104	ml	
68	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể kháng Treponema pallidum	Vật liệu được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch định tính các kháng thể kháng Treponema pallidum.	104	ml	

(Ban hành kèm theo Thông báo số 197/TB-BV ngày 4.5. tháng 08 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 191/TB-BV ngày 4.5 tháng 08 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam)

Số TT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (Cơ bản)	Số lượng /khối lượng sử dụng 18 tháng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Cốc nhỏ dùng để chứa mẫu.	Cốc nhỏ dùng để chứa mẫu thử, vật liệu chứng và mẫu chuẩn.	10.000	Cái	
2	Vật tư tiêu hao Cúp và tít dùng hút mẫu, QC, và chất chuẩn trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch.	Vật tư tiêu hao trên máy phân tích miễn dịch.	567.000	Cái	

(Ban hành kèm theo Thông báo số .../TB-BV..... ngày ... tháng ... năm ... của Bệnh viện..... chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:



Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VNĐ)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VNĐ)
1										
2										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tình năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 150 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1 – Thông báo chào giá]
3. Chúng tôi cam kết:
- Không đang quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chung loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục" trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Thông báo chào giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể liên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chung loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục" trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Thông báo chào giá.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Thông báo chào giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp ⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu)



(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

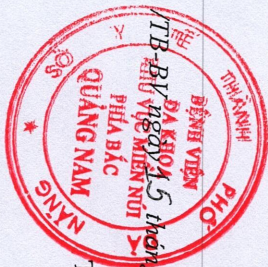
(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VNĐ). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.



(Ban hành kèm theo Thông báo số 194
TB-BV ngày 15 tháng 08 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam)



PHỤ LỤC 3:
THƯ CHÀO GIÁ

Kính gửi:

Địa chỉ:

Theo Thông báo chào giá số....., Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	STT theo thư mời chào giá	Tên danh mục	Tên thương mại	Chi tiết kỹ thuật	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng/ nước sản xuất	Hãng/ nước sở hữu	Số lưu hành/ giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	ĐVT	Quy cách	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Mã kê khai	Mã HS	Thuế VAT (nếu có)
1																	
2																	
3																	
.....																	

Báo giá này có hiệu lực 150 ngày kể từ ngày Bệnh viện kết thúc nhận thư mời chào giá

..., ngày ... tháng ... năm ...
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)